TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2024/HC-PT
Ngày: 20/3/2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 791/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2457/2024/QĐPT-HC ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lưu Thanh B, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố số B, phường L, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Quý L, sinh năm 1980; địa chỉ: Công ty L1 - Tổ dân phố số B Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số A, phố V, khu đô thị V, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Vũ Xuân T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận L: Ông Lê Xuân M, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận L; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Vũ Xuân T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân phường L, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tuấn N, Phó chủ tịch UBND phường L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung đơn khởi kiện và trình bày của người khởi kiện (bà Lưu Thanh B), của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quý L trình bày:

Bà không đồng ý với Quyết định số 2473/QĐ- UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 66,2m^2 đất do hộ gia đình bà Lưu Thanh B đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội; Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với H gia đình bà Lưu Thanh B trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2. G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội;

Lý do, căn cứ khởi kiện như sau:

Thứ nhất: *Việc thu hồi đất cho Dự án này không có căn cứ, quy trình thực hiện thu hồi không đúng trình tự thủ tục vi phạm nghiêm trọng các quy định Luật Đất đai.*

Quyết định số 5473/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND quận L về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng: Hoàn chỉnh HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường 40m phường L, quận L, Hà Nội.

Mục tiêu đầu tư xây dựng: Giải phóng mặt bằng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật để quản lý theo quy hoạch nhằm khai thác có hiệu quả các khu đất phù hợp với quy hoạch được duyệt, thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường phục vụ công tác phát triển kinh tế xã hội của quận L. Như vậy quận L thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để tạo mặt bằng sạch, sau đó mới lập dự án bán đất, đẩy toàn bộ những hộ dân đang có nhà ở ổn định từ năm 1987 đến nay đến chỗ không có nhà ở lấy đất làm cây xanh, bãi đỗ xe, phục vụ cho ai?

Theo Luật Đất đai năm 2013 không có quy định pháp luật nào, căn cứ pháp lý cho việc thực hiện dự án kiểu này. Đây là việc lách luật để thu hồi đất trái pháp luật, có dấu hiệu lợi ích nhóm và tham nhũng chính sách.

Theo Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành thì thẩm quyền, trình tự thủ tục phê duyệt dự án được quy định ở cấp huyện do Hội đồng nhân dân cấp huyện chấp thuận đầu tư. Tuy nhiên tại Văn bản số 218/HĐND- TCKH ngày 13/10/2017 của Hội đồng nhân dân quận L về việc phê duyệt chủ trương đầu tư

dự án, thì dự án này do "*Thường trực Hội đồng nhân dân quận L phê duyệt*" là trái thẩm quyền.

Đến nay Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chưa có nghị quyết riêng về việc chấp thuận dự án và UBND thành phố H cũng chưa có quyết định thu hồi đất tổng thể, thành phố chưa có quyết định chấp thuận thực hiện các dự án này thì UBND quận L đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường để lấy đất của người dân đang ở không đền bù theo đúng quy định là vi phạm nghiêm trọng pháp luật Đất đai.

Thứ hai: *Việc thu hồi đất không đảm bảo tính công khai minh bạch dân chủ, công bằng theo các nguyên tắc pháp luật quy định.*

Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 4; Điều 20, Điều 21 Luật quy hoạch 2009 và Điều 35 Luật Đất đai năm 2013 quy định khi lập quy hoạch và triển khai dự án phải lấy ý kiến khu dân cư để làm rõ tính cấp thiết của dự án, sự đồng thuận của nhân dân đối với dự án. Bản chất thực hiện dự án này có dấu hiệu lợi ích nhóm, không xuất phát vì quyền lợi của người dân mà lợi dụng dự án để lấy đất của dân đẩy hàng trăm hộ dân chúng tôi ra đường không có nơi ở. Vậy xây trường học cho ai, làm công viên cho ai, làm bãi đỗ xe cho ai? Dự án này hoàn toàn không có tính cấp thiết, không có tính khoa học, không có hiệu quả kinh tế và đặc biệt không phải là nguyện vọng nhân dân

Nhân dân trong khu vực này nói chung và gia đình bà không được biết khi lập, phê duyệt Dự án này, không được họp bàn và tham gia ý kiến. Dự án này là dự án nhóm B của quận L tự lập nên, không phải vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. UBND quận L đã cố tình dối trên lừa dưới cố tình lập dự án trái pháp luật. Nhân dân và gia đình bà đã kịch liệt phản đối, đã gửi nhiều đơn thư để yêu cầu hủy bỏ dự án vì trái với nguyện vọng và mong muốn của đa số người dân trong khu vực.

Thứ ba: *Nội dung trong quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với gia đình tôi là trái pháp luật.*

Cụ thể trong quyết định đã xác định: Thu hồi 66,2m^2 đất nông nghiệp khoán 10 là không có căn cứ. Bởi vì diện tích đất thực tế gia đình tôi đang sử dụng từ lâu, đã chuyển đổi sử dụng mục đích phi nông nghiệp. Nguồn gốc được cấp đất giãn dân từ những năm 1987, cho những gia đình đông con, cùng gia đình chính sách để ở (đã có xác nhận bằng văn bản của nguyên Bí thư, chủ tịch xã L thời điểm chia đất năm 1987). Sau khi được chia đất gia đình đã xây dựng để ở ổn định, không tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính. Hiện nay khu dân cư đã được thành lập tổ dân phố, có đầy đủ bộ máy hành chính cấp thôn, có nhà văn hoá, có số nhà. Nhà đất của gia đình bà đã được sử dụng vào mục đích để ăn ở ổn định, được kê khai đăng ký vào hồ sơ địa chính của phường L, đóng thuế đất phi nông nghiệp (thuế đất ở) hàng chục năm nay. Tuy nhiên, trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì quận L chỉ áp mức giá bồi thường theo giá đất nông nghiệp 252.000 đồng/m^2 là không đúng quy định tại Điều 23 Quyết định số

10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H; tự ý cắt xén diện tích đất và các quyền lợi hợp pháp khác của gia đình bà là cố ý làm trái quy định tại Điều 15, Điều 21, Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H gồm hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Các giấy tờ về quyền sử dụng đất của gia đình bà là đúng với các hồ sơ như: Bản đồ địa chính (bản đồ thổ cư), danh sách các hộ được cấp đất giãn dân, văn bản xác nhận của nguyên lãnh đạo UBND xã L. Thực tế hiện nay UBND quận L không thu thập hồ sơ tài liệu, không thực hiện việc xác định loại đất, xác định nguồn gốc đất đúng theo hiện trạng và quy định luật đất đai tại Điều 3 Nghị định số 43/CP do vậy đã áp dụng bồi thường đối với đất đai của gia đình bà trái quy định pháp luật đất đai gây thiệt hại nghiêm trọng. Khi thực hiện dự án này, UBND quận L đã làm trái quy trình thủ tục khi không có văn bản xác định nguồn gốc đất, tự ý xác định loại đất không đúng với hiện trạng sử dụng trái với Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 3 khoản 3 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Hủy toàn bộ các quyết định sau: Quyết định số: 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 66,2m^2 đất do hộ gia đình bà Lưu Thanh B đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện dự án - Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2. G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội; Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với H gia đình bà Lưu Thanh B trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2. G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội;

Quan điểm của người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận L:

1. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền:

UBND quận L đã ban hành Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về việc thu hồi đất và Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông (bà) trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40 m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai; đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai.

2. Cơ sở pháp lý:

2.1. Cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021.

Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội là dự án xây dựng vườn hoa, cây xanh; trường THCS, trường mầm non và xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương (giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...) đã được Hội đồng nhân dân Thành phố H chấp thuận tại Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2018, Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018, Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2019, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; nằm trong kế hoạch sử dụng đất quận L đã được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 01/8/2018, 1086/QĐ-UBND ngày 07/3/2019, 1067/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 và 1185/QĐ-UBND ngày 12/3/2021;

Ngày 13/10/2017, Hội đồng nhân dân quận L đã phê duyệt chủ trương đầu tư theo Văn bản số 16/HĐND–TCKH đối với Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40 m, phường L, quận L, Hà Nội;

Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đối với dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40 m, phường L, quận L, Hà Nội do Công ty cổ phần Đ1 lập, đã được UBND quận L chấp thuận ngày 26/10/2017 và phù hợp với quy hoạch phân khu N10, tỉ lệ 1/2000 đã được UBND Thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014;

Ngày 31/10/2017, UBND quận L ban hành Quyết định số 5473/QĐ-UBND phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, Hà Nội;

Ngày 01/02/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H ban hành văn bản số 913/STNMT-CCQLĐĐ về việc hướng dẫn UBND quận L xác định mốc giới thực hiện Dự án hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, Hà Nội;

Kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 19/3/2020 của tổ công tác giải phóng mặt bằng phường L cho thấy toàn bộ phần diện tích 66,2m2 hộ gia đình ông (bà) đang sử dụng nằm trong ranh giới dự án trên.

Như vậy, UBND quận L ban hành Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về việc thu hồi 66,2m^2 đất do hộ gia đình ông (bà) đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện dự án hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, Hà Nội là đầy đủ căn cứ pháp lý quy định tại Điều 63 Luật Đất đai năm 2013.

2.2. Cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L

* Bồi thường về đất:

Thửa đất của gia đình ông (bà) có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao thời điểm năm 1987 (giao theo khoản 10) và được điều chỉnh, rà soát lại năm 1997-1999 (danh sách giao mang tên ông Lưu Văn Q (bố bà B) thuộc đội sản xuất số 03, thôn N, xã L); tại thời điểm giao đất bà B là thành viên được giao đất trong hộ gia đình ông Lưu Văn Q. Khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/NĐ-CP tại thôn N, xã L (nay là phường L) không thực hiện việc rũ rối để chia lại đất, không chia lại đất theo Nghị định 64/NĐ-CP. Trong quá trình sử dụng, ông Q chia tách trả một phần diện tích đất nông nghiệp được giao cho các con (không có giấy tờ). Hiện trạng ông (bà) Lưu Thanh B sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 19/3/2020 của tổ công tác giải phóng mặt bằng phường L cho thấy: ông (bà) đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng rau muống) với diện tích hiện trạng 66,2m^2. Đối chiếu với Điều 11 Luật đất đai 2013, loại đất bà B bị thu hồi được xác định là đất nông nghiệp.

Từ lý do trên, ông (bà) đủ điều kiện được bồi thường về đất nông nghiệp với diện tích 66,2m^2 theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai; việc bồi thường bằng tiền thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai; giá bồi thường về đất nông nghiệp 252.000 đồng/m^2 theo quy định tại bảng số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H. Số tiền bồi thường 252.000 đồng/m^2 x 66,2m^2 = 16.682.400 đồng (bằng chữ: *Mười sáu triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng*).

* Bồi thường về tài sản trên đất:

Rau muống chuyên canh đơn giá 18.000 đồng/m^2 theo quy định tại Thông báo số 8545/STC-BG ngày 29/12/2020 của Sở T3. Số tiền được bồi thường 18.000 đồng/m^2 x 66,2m^2 = 1.191.600 đồng (bằng chữ: Một triệu một trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm đồng).

* Các khoản hỗ trợ

Các khoản hỗ trợ và nguyên tắc hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn; cụ thể:

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

Ông (bà) thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ). Tuy nhiên, ông (bà) không phối hợp nên không xác định được tỷ lệ đất nông nghiệp gia đình bà đang sử dụng bị thu hồi theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số

47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ) và được hướng dẫn bởi Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT có hiệu lực ngày 01/9/2021). Do đó, chưa xác định được số tiền hỗ trợ về ổn định đời sống và sản xuất cho ông (bà).

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai, Khoản 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bởi Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) và Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H với mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của UBND thành phố đối với toàn bộ diện tích bị thu hồi. Tức là 252.000 đồng/m^2 (quy định tại bảng số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H) x 66,2m^2 x 5 lần = 83.412.000 đồng (bằng chữ: Tám mươi ba triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng).

Về thưởng tiến độ: hộ gia đình ông (bà) được thưởng tiến độ với mức 3.000 đồng/m^2 x 66,2.0m^2 = 198.600 đồng là đúng với quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 24 Quyết định Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Bởi lẽ trên, UBND quận L không đồng ý hủy Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi đất Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Khi ông (bà) phối hợp xác định được tỷ lệ đất nông nghiệp gia đình bà đang sử dụng bị thu hồi, UBND quận L sẽ phê duyệt bổ sung khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho bà. Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét quyết định.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường L, quận L.

1. Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình bà Lưu Thanh B:

Thửa đất của gia đình bà Lưu Thanh B có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao năm 1987 (giao theo khoán 10) và được điều chỉnh, rà soát lại năm 1997-1999 (danh sách giao mang tên ông Lưu Văn Q (bố của bà B) thuộc đội sản xuất số 03, thôn N, xã L); tại điểm giao đất bà B là thành viên được giao đất trong hộ gia đình ông Lưu Văn Q. Khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/NĐ-CP tại thôn N, xã L (nay là phường L) không thực hiện việc rũ rối để chia lại đất, không chia lại đất theo Nghị định 64/NĐ-CP. Trong quá trình sử dụng, ông Q chia tách trả một phần diện tích đất nông nghiệp được giao cho các con (không có giấy tờ). Hiện trạng bà Lưu Thanh B sử dụng ổn định, không tranh chấp.

2. Về công tác niêm yết công khai và bàn giao: UBND phường đã thực hiện công tác niêm yết công khai Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của

UBND quận L về việc thu hồi đất, Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L dự án: Hoàn chỉnh HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m phường L, quận L, Hà Nội trên hệ thống đài truyền thanh của phường, tại Bảng tin của phường, Trụ sở các Tổ dân phố liên quan; đã thực hiện tống đạt các Quyết định nêu trên đến hộ gia đình bà Lưu Thanh B. Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét quyết định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã Quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Bộ luật tố tụng hành chính;

Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thanh B đối với yêu cầu hủy các Quyết định hành chính sau: Quyết định số: 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 66,2m^2 đất do hộ gia đình bà Lưu Thanh B đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện dự án - Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/N12, G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội; Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với H gia đình bà Lưu Thanh B trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Lưu Thanh B được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho bà Lưu Thanh B 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000320 ngày 13/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ngày 07/8/2023, bà Lưu Thanh B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc UBND quận L phải thực hiện bồi thường cho gia đình đối với đất và tài sản trên đất theo đúng nguồn gốc, hiện trạng sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, trình bày: Người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh đất của bà B có nguồn gốc nằm trong diện tích đất hộ gia đình cụ Q được

cấp đất ở giãn dân từ những năm 1987, đã làm nhà ở, đã xây dựng nhà và công trình trên đất; đã kê khai đăng ký đất đai và nộp thuế đất ở. Thực tế trên đất thu hồi bà B, cụ Q chưa bao giờ sử dụng sản xuất nông nghiệp. Cụ Q chỉ chia miệng cho bà B một phần đất, chưa làm thủ tục nên đất vẫn của cụ Q. UBND phường L và UBND quận L hoàn toàn không thực hiện đúng quy định của Luật đất đai nên phản ánh không đúng hiện trạng, nguồn gốc đất; đã phê duyệt bồi thường hỗ trợ sai quy định, gây thiệt hại cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã được thực hiện đúng quy định; về việc giải quyết vụ án: UBND quận L đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Về nội dung: căn cứ các tài liệu về việc kiểm đếm đã thể hiện hiện trạng đất thu hồi của bà B đang trồng rau muống, do vậy UBND quận L bồi thường hỗ trợ đúng quy định. Bà B kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ tài liệu gì chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án,

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của bà Lưu Thanh B (yêu cầu hủy Quyết định số: 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L *về việc thu hồi 66,2m^2 đất do bà Lưu Thanh B đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện dự án - Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/N12, G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội*; Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lưu Thanh B), là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Các tài liệu hồ sơ do người bị kiện cung cấp về Dự án hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, Thành phố Hà Nội là dự án xây dựng vườn hoa, cây xanh; trường THCS, trường mầm non và xây dựng kết cầu hạ tầng kỹ thuật của địa phương (giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...), đủ căn cứ để xác định thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng - quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 10/12/2019 của tổ công tác giải phóng mặt bằng phường L, đã thể

hiện diện tích 66,2m^2 đất của hộ gia đình bà Lưu Thanh B hiện trạng trồng rau muống, thửa đất nằm trong ranh giới giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án.

Do vậy, Ủy ban nhân dân quận L ban hành Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 thu hồi 66,2m^2 đất của bà B và Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà B; Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 9202/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất, là đúng thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành.

[2.2] Hồ sơ do UBND quận L, UBND phường L cung cấp đã thể hiện UBND quận đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai để ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà B.

Về nội dung:

- Thửa đất thu hồi là có nguồn gốc là một phần trong thửa đất nông nghiệp được giao thời điểm năm 1987 (giao theo khoán 10) và được điều chỉnh, rà soát lại năm 1997-1999 (danh sách giao mang tên chủ hộ ông Lưu Văn Q là bố của bà B thuộc đội sản xuất số C, thôn N, xã L); tại thời điểm giao đất bà B cũng là thành viên được giao đất trong hộ gia đình. Khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/NĐ-CP tại thôn N, xã L (nay là phường L) không thực hiện việc rũ rối để chia lại đất, không chia lại đất theo Nghị định 64/NĐ-CP. Trong quá trình sử dụng, ông Q chia tách trả đất nông nghiệp được giao cho các con (trong đó có bà B, không lập giấy tờ) nhưng thực tế bà B đã nhận đất, tách thửa nên khi thu hồi UBND đã tách thành các thửa để thực hiện thu hồi và bồi thường, hỗ trợ.

Hiện trạng kiểm đếm ngày 19/3/2020 của Tổ công tác thể hiện trên diện tích 66,2m^2 trồng rau muống.

- Bà B và đại diện theo ủy quyền của bà cho rằng đất có nguồn gốc là đất giãn dân từ những năm 1987, nhưng không xuất trình được giấy tờ về việc này mà chỉ đưa ra Vi bằng (được lập ngày 10/01/2020) thể hiện nội dung trao đổi của bà Thẩm Thị T1, ông Thẩm Văn C, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Quốc Đ và bà Nguyễn Thị M1 về chính sách giao đất giãn dân. Trong khi UBND phường L, UBND quận L đều xác định hồ sơ địa chính lưu giữ thể hiện là đất nông nghiệp các hộ dân (trong đó có gia đình cụ Q) được giao khi thực hiện giao khoán.

Với các chứng cứ tài liệu nêu trên, khi thu hồi đất, UBND quận L xác định đất thu hồi là đất nông nghiệp là đúng quy tại Điều 11, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai. Bản án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 6895/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 thu hồi 66,2m^2 đất, là có căn cứ.

[2.3] Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất thu hồi với bà B:

- UBND quận L đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bằng tiền là đúng quy định tại Điều 74 Luật Đất đai. Cụ thể:

- Về tài sản: bồi thường về tài sản trên đất là rau muống chuyên canh đơn giá 18.000 đồng/m^2 số tiền được bồi thường 18.000 đồng/m^2 x 66,2m^2 = 1.191.600 đồng theo quy định của UBND thành phố H.

- Về đất: bồi thường 100% giá đất nông nghiệp. Các khoản hỗ trợ theo quy định tại Điều 83 Luật Đất đai gồm:

1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai, khoản 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) và Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H với mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại x với diện tích bị thu hồi; Về thưởng tiến độ với mức 3.000 đồng/m^2 = 198.600 đồng, đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

2. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Theo UBND quận L trình bày trong quá trình thu hồi đất do bà B không phối hợp nên không xác định được tỷ lệ đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng bị thu hồi (theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - được sửa đổi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ) và được hướng dẫn bởi Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT có hiệu lực ngày 01/9/2021). Tuy nhiên, xét bà B bị thu hồi đất đang sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; đủ điều kiện được hỗ trợ nên để đảm bảo quyền lợi cho người bị thu hồi đất, tòa án cấp sơ thẩm có đề nghị bà Lưu Thanh B phối hợp với UBND quận L cung cấp thông tin nhằm xác định được tỷ lệ đất nông nghiệp gia đình bà đang sử dụng, đồng thời có kiến nghị UBND quận L xem xét phê duyệt bổ sung khoản hỗ trợ này cho gia đình bà B theo quy định của pháp luật.

[3] Do nhiều lần vận động, thuyết phục nhưng bà B không nhận tiền và bàn giao mặt bằng; không chấp hành các Quyết định đã có hiệu lực của UBND nên áp dụng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013, khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT của Bộ T4, Chủ tịch UBND quận L đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5413/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 là có căn cứ.

[4] Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thanh B là có căn cứ. Bà Lưu Thanh B kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ tài liệu chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Bà B thuộc đối tượng được miễn và đã có đơn xin miễn nên đủ điều kiện được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Lưu Thanh B và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lưu Thanh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Vân Hương